

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “đầu tư nâng cấp, tăng quy mô hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy” tại khu 5, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy tại Văn bản số 43/CV-TTYTTT ngày 29 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-STNMT ngày 11/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy, địa chỉ tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc sát nhập Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa huyện để thành lập Trung tâm Y tế huyện tại 06 huyện: Lâm Thao, Phù Ninh, Tam Nông, Thanh Thủy, Tân Sơn, Yên Lập.

1.4. Mã số thuế: 2600677407.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích 12.505,7m², trong đó: nhà A (khu cấp cứu, nhà thuốc, Ban Giám đốc, các phòng chức năng) diện tích 529m²; nhà B (khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng) diện tích 424m²; nhà C (khoa Nhi, khoa Phụ sản và chăm sóc sức khỏe sinh sản) diện tích 390m²; nhà D (khu Khám chữa bệnh theo xã hội hóa gồm khoa Khám bệnh, khoa Xét nghiệm và chuẩn đoán hình ảnh, khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc xã hội hóa, khoa Nội tổng hợp xã hội hóa, khoa Nhi xã hội hóa, khoa Phụ sản và chăm sóc sức khỏe sinh sản xã hội hóa, khoa Gây mê hồi sức) diện tích 928m²; nhà E (khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc) diện tích 230m²; nhà G (khoa Nội tổng hợp, khoa Dược - vật tư y tế) diện tích 610m²; nhà H (khoa Ngoại tổng hợp, liên chuyên khoa, khoa Truyền nhiễm, kiểm soát dịch bệnh HIV/AIDS, khoa Y tế công cộng, an toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn) diện tích 538,65m² và các công trình phụ trợ (nhà K - nhà Ăn, nhà I - nhà Đại thể và nhà Giặt là, phòng Tiêm chủng, khu xử lý nước thải, lưu giữ chất thải rắn, sân, đường giao thông nội bộ, cây xanh...) tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại dự án Luật Đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: 500 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và các thủ tục pháp lý khác theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giám

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Các sở: Y tế, TN&MT;
- CVP, các PCVP;
- UBND huyện Thanh Thủy;
- Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 4
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm, lau sàn (nhà A, B, C, D, E, G, H, I, K).
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí tiểu, xí bệt của các khu nhà vệ sinh (nhà A, B, C, D, E, G, H, K).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ nhà ăn (nhà K).
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ nhà giặt (nhà I).
- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Trung tâm Y tế (gồm nước thải từ quá trình tiệt khuẩn, khử khuẩn dụng cụ y tế; nước rửa tay của bác sỹ, điều dưỡng từ khu khám bệnh, điều trị, xét nghiệm và khu cấp cứu, phẫu thuật, thủ thuật; nước thải từ quá trình ngâm thuốc đông y; nước thải từ khu chạy thận nhân tạo; nước thải từ khu spa thẩm mỹ (nhà A, B, C, D, E, G, H)).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 1 dòng nước thải là nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung tại khu 5, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: điểm xả nằm phía đông Bắc của Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2342805,94; Y: 555381,11 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 220 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24h).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
4	COD	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
11	Samonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh gồm:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động tắm, rửa chân tay, nước thải lau sàn của các nhà A, B, C, D, E, G, H, I, K được thu gom qua song chắn rác theo đường ống PVC D150, D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ nước thải từ các xí tiêu, xí bệt nhà vệ sinh của nhà A, B, C, D, E, G, H, K được thu gom dẫn về bể tự hoại theo đường ống PVC D150, D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nhà Ăn (nhà K) được thu gom dẫn về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống PVC D150, D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nhà Giặt (nhà I) được thu gom về bể lắng sau đó theo đường ống PVC D150, D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Trung tâm y tế từ nhà A, B, C, D, E, G, H cùng nước thải tắm rửa, rửa chân tay, nước lau sàn theo đường ống PVC D150, D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt cột B theo QCVN 28:2010/BTNMT hệ số K = 1,0 và theo đường ống PVC D200, dài 5m xả vào hệ thống thoát nước chung, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 11 bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích 220m³).

+ 1 bể tách mỡ (dung tích 1m³).

+ 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày đêm gồm các bể xử lý thể tích lần lượt: bể gom nước thải đầu vào (34,43m³); bể điều hòa 1 (57,38m³); bể điều hòa 2 (100,33m³); bể lắng 1 (34,99m³); bể khử trùng (16,98m³); bể bùn (16,98m³); thiết bị hợp khối 1 và 2 mỗi modul gồm 4 ngăn: 2 ngăn xử lý yếm khí (17 m³/ngăn), 1 ngăn xử lý hiếu khí (8,5m³), 1 ngăn lắng (4,5m³); thiết bị hợp khối 3 gồm 4 ngăn: 2 ngăn xử lý yếm khí (13,34 m³/ngăn), 1 ngăn xử lý hiếu khí (6,67m³), 1 ngăn lắng (6,67m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: nước thải {(nước tắm, rửa chân tay, lau sàn → song chắn rác) + (nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại) + (nước thải nhà ăn → bể tách mỡ) + nước thải từ nhà giặt + nước thải khám, chữa bệnh} → bể gom nước thải đầu vào → bể điều hòa 1 → bể điều hòa 2 → bể lắng 1 → thiết bị hợp khối (ngăn yếm khí → ngăn hiếu khí → ngăn lắng) → bể khử trùng → hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống có 1 bể bùn.

- Công suất thiết kế: 220 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clo bột.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Trường hợp nước thải sau xử lý gặp sự cố phải dừng hoạt động xả nước thải và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 3 tháng kể từ ngày 31/5/2024 đến ngày 31/8/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải đầu vào.
- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (tại bể khử trùng).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm Y tế huyện Thanh Thủy phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; thực hiện quan trắc định kỳ đã đề xuất, được cấp phép, trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 4
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ 2 máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ vị trí đặt 2 máy phát điện dự phòng X: 2342804,18; Y: 555371,05 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45' múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.
- Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng. Thiết kế, lắp đặt vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng đặt máy phát điện; lắp vật liệu chống rung đối với máy phát điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 4
năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I. TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THANH THỦY			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	22.500
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	50
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	0,5
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	5
5	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	20
6	Pin ắc quy thải	16 01 12	5
7	Chất thải hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	20
II. TRẠM Y TẾ XÃ TU VŨ			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
III. TRẠM Y TẾ XÃ ĐỒNG TRUNG			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
IV. TRẠM Y TẾ XÃ ĐOAN HẠ			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
V. TRẠM Y TẾ XÃ HOÀNG XÁ			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
VI. TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN THANH THỦY			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
VII. TRẠM Y TẾ XÃ SƠN THỦY			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
VIII. TRẠM Y TẾ XÃ TÂN PHƯƠNG			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
IX. TRẠM Y TẾ XÃ THẠCH ĐỒNG			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
X. TRẠM Y TẾ XÃ ĐÀO XÁ			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
XI. TRẠM Y TẾ XÃ XUÂN LỘC			

1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
XII. TRẠM Y TẾ XÃ BẢO YÊN			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
XIII. PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HOÀNG XÁ			
I	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	20
Tổng (I+...+ XIII)			22.840,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm:

- Chất thải là vật liệu giấy, chất thải là vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào...), các chai, lon nước giải khát, các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thuỷ tinh thải bỏ... 9.780,54 kg/năm; bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: 4.095,3 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 88,03 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: lưu chứa vào thùng nhựa màu vàng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ. Thùng màu vàng được sử dụng lưu giữ loại 15 lít, 60 lít, 120 lít, 240 lít.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: lưu chứa vào hộp kháng trùng có màu vàng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: lưu chứa vào thùng nhựa màu đen được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải đầy đủ. Thùng màu đen được sử dụng lưu giữ loại 120 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ: 1 kho có diện tích 10m². Riêng chất thải lây nhiễm được lưu chứa tại thiết bị bảo quản lạnh chất thải lây nhiễm dưới 8°C dung tích 8m³ đặt trong kho chất thải.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: kho lưu giữ chất thải nguy hại có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có cửa, có biển báo, biển cảnh báo, có mái che kín; được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Các bao tải và các thùng nhựa màu trắng được dán nhãn, mã số chất thải đầy đủ, loại 15 lít, 120 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ: 1 kho diện tích 37m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có biển báo, có mái che kín.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng nhựa màu xanh đặt tại khoa, phòng chức năng của Trung tâm Y tế và dọc đường giao thông nội bộ gồm các loại 15 lít, 60 lít, 120 lít.

b) Khu vực lưu giữ:

- Khu vực lưu giữ: 1 kho lưu giữ diện tích 30m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có kết cấu tường xây kín, mái lợp tôn, có biển báo, có mái che kín.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

